

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2025/DS-ST
Ngày 05 – 5 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hồng.

2. Ông Bùi Văn Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S.** Địa chỉ: Số B - B đường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Thạch Minh Q.**, sinh năm 1996. Địa chỉ liên hệ (Phòng G): Số C Đường M, Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 09-4-2025, vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn L.**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 21-10-2022, ông Trần Văn L có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể: Loại thẻ: VISA; Số thẻ: 472074-9871; hạn mức: 50.000.000 đồng; lãi suất áp dụng: 20,4%/năm (1,7%/tháng).

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Trần Văn L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.670.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Trần Văn L phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Trần Văn L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 28.060.427 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do ông Trần Văn L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 10-3-2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 51.763.400 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Trần Văn L trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 16-7-2024 là 53.502.020 đồng, trong đó: Vốn gốc là 51.763.400 đồng, L1 quá hạn là 1.738.620 đồng; và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16-7-2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ý kiến của bị đơn ông Trần Văn L:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có bản tự khai, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nợ gốc do bị đơn đã thanh toán được một phần. Cụ thể, ông Trần Văn L thanh toán được 16.800.000 đồng ngày 10-01-2025 nên còn lại nợ gốc 34.963.400 đồng; tiền lãi tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (05-5-2025) là 13.710.369 đồng. Do đó, tổng cộng số tiền bị đơn còn phải thanh toán là 48.673.769 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ cư trú ghi trong hợp đồng tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng có thẩm quyền giải quyết và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều

26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nhưng không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả đương sự.

[4] Xét thấy, vào ngày 21-10-2022, ông Trần Văn L ký kết Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng TMCP S, hạn mức đề nghị số tiền 50.000.000 đồng. Mục đích vay, thời hạn và thỏa thuận lãi suất nêu trong đơn yêu cầu khởi kiện đúng như giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà nguyên đơn cung cấp. Việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, hình thức hợp đồng và các nội dung thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao kết có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ thể hiện qua bảng kê tiền lãi và sao kê tài khoản của ông Trần Văn L. Do đó, Ngân hàng TMCP S tiến hành khởi kiện để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp theo thỏa thuận đã ký kết và quy định tại Điều 282, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 100, Điều 102, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng.

[5] Tính đến thời điểm khởi kiện, dư nợ gốc là 51.763.400 đồng, lãi quá hạn là 1.738.620 đồng. Đến ngày 10-01-2025, ông Trần Văn L thanh toán được 16.800.000 đồng nên còn lại nợ gốc 34.963.400 đồng; tiền lãi tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (05-5-2025) là 13.710.369 đồng. Do đó, tổng cộng số tiền bị đơn còn phải thanh toán là 48.673.769 đồng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235 Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 102, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc bị đơn ông Trần Văn L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 48.673.769 đồng. Trong đó, nợ gốc 34.963.400 đồng; tiền lãi tạm tính 13.710.369 đồng.

Kể từ ngày 06-8-2025 cho đến khi ông Trần Văn L thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S, thì hàng tháng ông Trần Văn L phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S) mà hai bên đã ký kết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Trần Văn L phải chịu 2.433.688 đồng.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.337.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009748 ngày 10-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm